

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 18/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định ngày 08 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thu P; sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã D1, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố T, phường D1, thị xã D, tỉnh Hà Nam); tạm trú tại: Số 52 Đ, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Anh Trần Đức N; sinh năm 1987; đăng ký hộ khẩu: Số nhà 2/39, H, phường Tr, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; hiện đang cư trú tại Hàn Quốc.

- ***Người đại diện theo uỷ quyền của Anh Trần Đức N về nuôi con chung:*** Bà Trịnh Thị S; sinh năm 1965; đăng ký hộ khẩu: Số nhà 2/39, H, phường Tr, thành phố Nam Định

Tại phiên họp: Chị P và bà S có mặt. Vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại bản tự khai, Chị Nguyễn Thị Thu P và Anh Trần Đức N đều trình bày: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03-9-2009 tại Ủy ban nhân dân xã D1, huyện D (nay là phường D1, thị xã D), tỉnh Hà Nam.

Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại chị P sinh sống tại Việt Nam; còn anh N đang cư trú, làm việc tại Hàn Quốc; do xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trần Long Nh, sinh ngày 18-4-2010; Trần Tuấn K, sinh ngày 12-8-2014 và Trần Thiên Kh, sinh ngày 16-7-2019. Hiện tại 3 con chung đang ở cùng với chị P, nay ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Trần Long Nh và Trần Tuấn K cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thiên Kh cho chị P nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh N ở Hàn Quốc chưa về Việt Nam thì anh N và chị P nhất trí uỷ quyền cho bà Trịnh Thị S là mẹ đẻ anh N nuôi dưỡng 02 cháu là Trần Long Nh và Trần Tuấn K.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Trần Long Nh và cháu Trần Tuấn K đều trình bày: Các cháu là con đẻ của bố Trần Đức N và mẹ Nguyễn Thị Thu P; hiện nay các cháu đang ở với mẹ P tại số nhà 52 Đ, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Bố N sinh sống ở Hàn Quốc, đầu tháng 3 năm 2022 bố N về Việt Nam và ngày 30-3-2022 bố N sang Hàn Quốc làm việc. Bố N và mẹ P ly hôn cháu Nh và cháu K đều có nguyện vọng được ở với bố N; trong thời gian bố N chưa về Việt Nam thì các cháu ở với bà nội là Trịnh Thị S.

Bà Trịnh Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của Anh Trần Đức N. Anh N và Chị Nguyễn Thị Thu P đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã D1, huyện D, tỉnh Hà Nam. Anh N và chị P có 03 con chung gồm: Trần Long Nh, sinh năm 2010; Trần Tuấn K, sinh năm 2014 và Trần Thiên Kh, sinh năm 2019. Hiện nay 03 cháu đang ở với chị P tại số nhà 52 Đ, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Anh N hiện nay đang ở Hàn Quốc; vợ chồng anh N, chị P ly hôn anh N uỷ quyền cho bà giao nhận các giấy tờ tài liệu tại Tòa án và uỷ quyền cho bà nuôi dưỡng hai cháu Trần Long Nh và Trần Tuấn K trong thời gian anh N chưa về Việt Nam, bà hoàn toàn nhất trí.

Tại phiên họp sơ thẩm: Chị P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai.

Bà Trịnh Thị S trình bày: Anh N và chị P ly hôn, hiện nay anh N đang ở Hàn Quốc uỷ quyền cho bà nuôi dưỡng 02 cháu Trần Long Nh và Trần Tuấn K và uỷ quyền cho bà giao nhận các giấy tờ tài liệu tại Toà án, bà hoàn toàn nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Anh Trần Đức N và Chị Nguyễn Thị Thu P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03-9-2009 tại Ủy ban nhân dân xã D1, huyện D (nay là phường D1, thị xã D), tỉnh Hà Nam, nên là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay anh N sinh sống tại Nhật Bản, còn chị P ở Việt Nam. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều thống nhất xin ly hôn và thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Long Nh và Trần Tuấn K cho anh N nuôi dưỡng (cháu Kiệt và cháu Nhật đều có nguyện vọng; bố mẹ ly hôn xin được ở với bố) và giao cháu Trần Thiên Kh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh N ở Hàn Quốc chưa về Việt Nam thì anh N và chị P nhất trí uỷ quyền cho bà Trịnh Thị S là mẹ đẻ anh N nuôi dưỡng 02 cháu là Trần Long Nh và Trần Tuấn K; bà Trịnh Thị S cũng nhất trí. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung của anh N và chị P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Tòa án căn cứ Điều 55, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh N và chị P; chị P nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Đức N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp giải quyết vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức N và Chị Nguyễn Thị Thu P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 03-9-2009 tại Ủy ban nhân dân xã D1, huyện D (nay là phường D1, thị xã D), tỉnh Hà Nam, nên là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, anh N đang sống ở Hàn Quốc còn chị P sinh sống ở Việt Nam; anh N và chị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đều thống nhất đề nghị Toà án

nhân dân tỉnh Nam Định công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh N và chị P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: Anh N và chị P có 03 con chung là Trần Long Nh, sinh ngày 18-4-2010; Trần Tuấn K, sinh ngày 12-8-2014 và Trần Thiên Kh, sinh ngày 16-7-2019; hiện nay 3 con chung đang ở cùng với chị P. Nay ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Trần Long Nh và Trần Tuấn K cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thiên Kh cho chị P nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét việc thỏa thuận của chị P và anh N về nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Long Nh và cháu Trần Tuấn K nên được công nhận.

[4] Trong thời gian anh N ở Hàn Quốc chưa về Việt Nam; anh N uỷ quyền cho bà Trịnh Thị S là mẹ đẻ anh N nuôi dưỡng 02 cháu là Trần Long Nh và Trần Tuấn K; bà S và chị P hoàn toàn nhất trí. Do cháu Nhật và cháu Kiệt hiện đang ở với chị P nên chị P có trách nhiệm giao cháu Nhật và cháu Kiệt cho bà S nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận thỏa thuận của anh N và chị P; chị P nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Đức N và Chị Nguyễn Thị Thu P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của Anh Trần Đức N và Chị Nguyễn Thị Thu P về việc nuôi dưỡng con chung, cụ thể là giao con chung Trần Long Nh, sinh ngày 18-4-2010 và Trần Tuấn K, sinh ngày 12-8-2014 cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thiên Kh, sinh ngày 16-7-2019 cho chị P nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Trong thời gian anh N ở Hàn Quốc chưa về Việt Nam, anh N uỷ quyền cho bà Trịnh Thị S là mẹ đẻ anh N nuôi dưỡng 02 cháu là Trần Long Nh và Trần Tuấn K. Chị P có trách nhiệm giao 02 cháu Trần Long Nh và Trần Tuấn K cho bà Trịnh Thị S nuôi dưỡng.

Anh N và chị P có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh N và chị P. Anh N và chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N và chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận thoả thuận của anh N và chị P, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự do chị P nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị P đã nộp theo biên lai số 0006732 ngày 28-3-2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định. Chị P đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 08-6-2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND phường D1, thị xã D, tỉnh Hà Nam;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Thị Thu